

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 22-8-2024

V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Thành;

2. Ông Trần Văn Cường;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Nhi - Thư ký Tòa án thị xã Hương Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:  
Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024, về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bích T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 2 N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Trà M và Luật sư Nguyễn Thị Gia H. Công ty L1, địa chỉ: I N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà M vắng mặt, bà H có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Hữu H1, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ E, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H1: Ông Ngô Hữu Thành T1, sinh năm 2000, địa chỉ: Tổ E, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Cáp Thị P, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ E, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Ngô Thị M1, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ B phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị Hồng L, sinh năm 1963, địa chỉ: Tổ B phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Ông Trần Bảo T2, sinh năm 1990, địa chỉ: A N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023, văn bản trình bày ý kiến ngày 27/6/2024, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Ngô Thị Bích T trình bày:

Bà Ngô Thị Bích T đang là chủ shop kinh doanh đồ lót có biển hiệu “Nội y” tại địa chỉ A N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiệm của bà Ngô Thị Bích T kinh doanh sát liền kề với tiệm kinh doanh phụ kiện điện thoại T&T của vợ chồng ông Ngô Hữu H1 có địa chỉ A N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vào khoảng 17 giờ 15 phút ngày 02/4/2023, vợ chồng ông Ngô Hữu H1 dẫn chó đi ngang qua trước tiệm của bà T. Đúng lúc này, con ma nơ canh của bà T đặt trước tiệm để quảng cáo bị ngã đổ. Khi con ma nơ canh bị ngã đổ thì hai bên có lời qua tiếng lại tranh cãi con ma nơ canh bị đổ là do gió hay con chó của vợ chồng ông H1 đụng. Do có lời qua tiếng lại nên trong lúc bà T đang cúi người để lau và xếp lại con ma nơ canh thì ông H1 đã xông thẳng vào tiệm để đánh bà T, khiến bà T không kịp để phản kháng. Hành vi tấn công của ông H1 khiến bà T phải nhập viện từ ngày 03/04/2023 đến ngày 07/04/2023.

Sau khi vụ việc xảy ra bà T có trình báo đến Cơ quan công an phường P và vụ việc đã được Công an thị xã H đã thụ lý, tiến hành xác minh. Đến ngày 28/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã ra thông báo về việc không khởi tố hình sự đối với hành vi nêu trên của ông H1.

Theo hồ sơ bệnh án của bệnh viện T6 chẩn đoán, bà T bị: chấn động não, tăng nhãn áp/ù tai/nghe kém tai trái và theo Bản kết luận giám định số: 313-23/KLTTC-GDPY ngày 17/7/2023 của Trung tâm giám định y khoa pháp y, Sở y tế tỉnh T kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà T là 8% (T3 phần trăm).

Vì vậy, bà T buộc phải đóng cửa hàng từ ngày xảy ra sự việc đến ngày 18/5/2023. Mẹ bà T là bà Lê Thị Hồng T4 đang buôn bán ở Lào cũng phải về Việt Nam để chăm sóc bà. Hiện nay, bà T không buôn bán được vì tâm lý lo sợ, tinh thần hoảng loạn do ảnh hưởng từ vụ việc xảy ra vừa qua cho nên bà T đã đóng cửa và nghỉ hẳn việc kinh doanh.

Đến ngày 18/5/2023 bà T có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại gửi đến Công an thị xã H; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy; Công an phường T để yêu

cầu bồi thường thiệt hại đối với hành vi của ông H1 nhưng ông H1 không chịu bồi thường cho bà T.

Vi vậy, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà T yêu cầu Toà án buộc ông Ngô Hữu H1 bồi thường thiệt hại cho bà T tổng số tiền là 106.909.844 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng), bao gồm các khoản sau: Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, chức năng bị giảm sút là 4.991.888 đồng; Chi phí bồi dưỡng sức khỏe từ ngày 03/4/2023 đến 07/4/2023 là 800.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất từ ngày 03/4/2023 đến 18/5/2023 là 6.440.000 đồng; Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho bà T từ 03/4/2023 đến 18/5/2023 là 17.950.000 đồng; Thiệt hại thực tế về tiền thuê mặt bằng của hàng từ ngày 03/4/2023 đến 18/5/2023 là 3.027.956 đồng; Khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Ngô Hữu H1 bồi thường thiệt hại cho bà T tổng số tiền là 106.909.844 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng).

- Tại bản tự khai ngày 16/5/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn ông Ngô Hữu H1 trình bày:

Ông Ngô Hữu H1 thừa nhận về việc vào ngày 02/4/2023 xảy ra việc ông H1 có tát bà T 02 cái, nguyên nhân là do bà T nhỏ tuổi mà có lời lẽ hỗn hào với vợ của ông là bà Cáp Thị P nên ông H1 mới có hành vi tát tai bà T 02 cái.

Đối với các thiệt hại xảy ra, ông H1 chỉ chấp nhận bồi thường những khoản chi phí sau:

Về viện phí và chi phí chữa trị cho bà T từ 03/4/2023 đến ngày ra viện 07/4/2023 là 4.991.888 đồng, chi phí bồi dưỡng cho bà T trong thời gian điều trị là 800.000đồng/05 ngày nằm viện và khoản tiền xe đi lại phục vụ cho việc chữa trị là 170.000 đồng. Đối với yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất và tiền thuê mặt bằng kinh doanh: Ông H1 chỉ đồng ý bồi thường trong khoảng thời gian bà T nằm viện là 05 ngày. Về tiền tổn thất tinh thần: Ông H1 chỉ đồng ý bồi thường mức từ 01-03 tháng lương tối thiểu.

Đối với các khoản tiền còn lại, ông Ngô Hữu H1 không đồng ý bồi thường với lý do các chi phí này không hợp lý.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Cáp Thị P đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn ông Ngô Hữu H1 và không có ý kiến gì thêm.

- Ngày 20/8/2024 bà Ngô Thị Bích T5 có đơn đề nghị đưa những người làm chứng là bà Ngô Thị M1, Ngô Thị Hồng L, ông Trần Bảo T2 vào tham gia tố tụng và nộp kèm theo đơn trình bày làm chứng của họ về việc bà Lê Thị Hồng T4 là mẹ của chị T5 có từ Lào về Việt Nam để chăm sóc chị T5 trong khoảng 3 tháng rồi mới quay lại Lào để tiếp tục kinh doanh buôn bán.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổ chức các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng hoà giải không thành. Do đó, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 590, 603 của Bộ luật dân sự; Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông [Ngô Hữu H1](#) phải bồi thường thiệt hại cho bà [Ngô Thị Bích T](#) tổng số tiền là 16.225.221 đồng.

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà [Ngô Thị Bích T](#) khởi kiện yêu cầu ông [Ngô Hữu H1](#) phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, được quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại [phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/4/2023 tại [cửa hàng N](#) ở địa chỉ [A N, tổ E phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#), ông [Ngô Hữu H1](#) và bà [Cáp Thị P](#) xảy ra tranh cãi với bà [Ngô Thị Bích T](#) về nguyên nhân làm ma nơ canh trước cửa hàng của bà [T](#) bị đổ. Quá trình tranh cãi thì ông [H1](#), bà [P](#) nói bà [T](#) kiểm tra camera nhưng bà [T](#) không chịu và có nói bà [P](#) hàm hồ. Do bức xúc bà [T](#) nhỏ tuổi nhưng nói hỗn với vợ mình nên ông [H1](#) đã xông vào phía trong cửa hàng dùng tay phải chop tóc bà [T](#) và giật mạnh về phía sau rồi tiếp tục dùng tay phải tát trúng vào phía sau vùng đầu, mặt bên phải của

bà T. Hai bên tiếp tục tranh cãi thì ông H1 tiếp tục dùng tay phải tát một cái trúng vào phía sau đầu bà T rồi dừng lại.

Tại bản kết luận giám định số 313-23/KLTCT-GDPY ngày 17/7/2023 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y, Sở Y tế tỉnh T kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Ngô Thị Bích T tại thời điểm giám định là 8% (tám phần trăm).

Nay bà Ngô Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Hữu H1 phải bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm hại cho bà T tổng số tiền là 106.909.844 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ hợp lệ do nguyên đơn cung cấp, các chi phí hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật để xem xét yêu cầu bồi thường của nguyên đơn như sau:

- Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho bà T trong thời gian nằm viện từ ngày 03/4/2023 đến ngày 07/4/2023 là 4.191.888 đồng, yêu cầu trên là có căn cứ và đều có hoá đơn, chứng từ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Đối với chi phí bồi dưỡng sức khỏe từ ngày 03/4/2023 đến ngày 07/04/2023 là 800.000 đồng, đây là khoản tiền phù hợp với thực tế tương ứng với 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám chữa bệnh là: 160.000 đồng x 5 ngày = 800.000 đồng nên cần chấp nhận.

- Đối với thu nhập thực tế bị mất của bà T, do bà T không có thu nhập ổn định và không xác định được thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương nên căn cứ vào 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi bà T cư trú (vùng III theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động là 3.640.000 đồng) cho 01 ngày bị thiệt hại để xác định thu nhập thực tế bị mất của bà T làm căn cứ bồi thường. Bà T yêu cầu bồi thường số tiền 6.440.000 đồng cho thu nhập thực tế bị mất tính từ ngày 03/4/2023 đến ngày có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 18/5/2023 là 46 ngày x 140.000 đ/ngày = 6.440.000 đồng. Bà T cũng cho rằng thu nhập thực tế của bà tính theo đơn hàng online thu về từ 300.000 đồng đến 800.000 đồng mỗi ngày chưa kể thu nhập từ giao dịch mua bán tại cửa hàng, tuy nhiên bà T không cung cấp được hoá đơn chứng từ để chứng minh cho thu nhập thực tế của mình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, bà T phải nằm viện điều trị trong khoảng thời gian 05 ngày từ ngày 03/4/2023 đến ngày 07/4/2023, nên chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất của bà T trong 05 ngày tương ứng với 01 ngày lương tối thiểu vùng là 140.000 đồng/ngày, tổng thiệt hại do thu nhập bị mất của bà T được chấp nhận là 140.000 đồng/ngày x 05 ngày = 700.000 đồng.

- Đối với chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại gồm:

+ Tiền xăng xe đi lại 02 chiều từ nhà đến bệnh viện là 150.000 đồng và tiền xăng xe hai chiều đi từ bệnh viện đến quầy thuốc là 20.000 đồng. Xét thấy mặc dù không có hoá đơn, chứng từ nhưng là tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.



+ Tiền xe của người chăm sóc người bị thiệt hại đi từ Lào về Việt Nam: 1.000.000 đồng. Khoản tiền này không có hoá đơn chứng từ và phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có phát sinh chi phí thực tế này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

+ Tiền ăn uống của người chăm sóc người bị thiệt hại từ ngày nhập viện 03/4/2023 đến ngày có đơn yêu cầu bồi thường 18/5/2023 là 100.000 đồng/01 ngày x 46 ngày = 4.600.000 đồng. Xét thấy pháp luật chỉ quy định chi phí bồi dưỡng sức khoẻ cho người bị thiệt hại mà không quy định chi phí ăn uống cho người chăm sóc người bị thiệt hại do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

+ Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc từ ngày 03/4/2023 đến 18/5/2023 là: 46 ngày x 140.000 đồng/ngày = 6.440.000 đồng. Đối với chi phí này, Hội đồng xét xử xét thấy bà T chỉ nằm viện trong 05 ngày nên thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị cũng chỉ được tính trong 05 ngày bà T nằm viện. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc tương ứng số tiền là: 05 ngày x 140.000 đồng/ngày = 700.000 đồng.

+ Chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại sau khi ra viện từ ngày 08/4/2023 đến ngày có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại 18/5/2023 là 41 ngày x 140.000 đồng/ngày = 4.740.000 đồng. Xét thấy, bà T nhập viện vào ngày 03/4/2023 đến ngày 07/4/2023 thì xuất viện và không có chỉ định của Bác sĩ về việc nghỉ ngơi hay ngừng lao động trong thời gian sau khi xuất viện, bà T cũng không chứng minh được việc bị mất khả năng lao động và phải có người thường xuyên chăm sóc do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Đối với thiệt hại thực tế mà bà T phải chịu khi chi trả tiền mặt bằng cửa hàng quần áo vì phải đóng cửa, bà T yêu cầu bồi thường tiền bà thuê mặt bằng mỗi tháng là 2.000.000 đồng, trong thời gian 46 ngày là 3.027.956 đồng. Bị đơn ông H1 chỉ đồng ý bồi thường tiền thuê mặt bằng trong khoảng thời gian bà T nằm viện. Xét thấy, đối với thiệt hại thực tế mà bà T phải chi trả tiền mặt bằng trong thời gian điều trị là hợp lý nên Toà án chỉ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại chi phí mặt bằng cho bà T trong 05 ngày nhập viện điều trị là 2.000.000 đồng/tháng : 30 ngày x 05 ngày = 333.333 đồng.

+ Đối với yêu cầu bồi thường số tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khoẻ bị xâm phạm là 74.500.000 đồng; xét thấy, hậu quả của vụ án đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, gây tổn thất cho bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự và mức độ tổn thương sức khoẻ của bà T, cần chấp nhận số tiền bồi thường là 04 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, tương đương 2.340.000 đồng x 04 = 9.360.000 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại được chấp nhận là 16.255.221 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện

về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của nguyên đơn bà [Ngô Thị Bích T](#) với số tiền là 16.255.221 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà [Ngô Thị Bích T](#) phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là  $90.654.623 \text{ đồng} \times 5\% = 4.532.731 \text{ đồng}$ . Bà [T](#) có đơn xin miễn nộp tiền án phí toà án và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên miễn án phí cho bà [T](#).

Bà [Ngô Thị Bích T](#) được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.598.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0002942 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn ông [Ngô Hữu H1](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $16.255.221 \text{ đồng} \times 5\% = 812.761 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2, Điều 3 và Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông [Ngô Hữu H1](#) phải bồi thường thiệt hại cho bà [Ngô Thị Bích T](#) tổng số tiền là 16.255.221 đồng (mười sáu triệu hai trăm năm mươi năm ngàn hai trăm hai mươi một đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường) mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông [Ngô Hữu H1](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $16.255.221 \text{ đồng} \times 5\% = 812.761 \text{ đồng}$  (tám trăm mười hai ngàn bảy trăm sáu mươi một đồng).

- Bà [Ngô Thị Bích T](#) thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà [Ngô Thị Bích T](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.598.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0002942 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh Châu**



